

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10289/UBND-NĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 26 tháng 9 năm 2023

V/v hướng dẫn thực hiện chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng theo quy định tại Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ

Kính gửi:

- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Lao động - thương binh và xã hội;
- Cục thuế tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế.

UBND tỉnh nhận được Tờ trình số 3163/TTr- STC ngày 13/9/2023 của Sở Tài chính về việc đề nghị ban hành Quyết định bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 43/2016/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công cách mạng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế (*đính kèm văn bản*); UBND tỉnh yêu cầu Giám đốc các Sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Lao động - thương binh và xã hội; Cục Thuế tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố Huế chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý thực hiện chế độ miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng như sau:

1. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Đối tượng được miễn, giảm tiền sử dụng đất theo Quy định này là người có đăng ký thường trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế và có hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng đang tại ngũ, công tác do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quản lý và hồ sơ hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng tại địa phương nơi thường trú do Sở Lao động - thương binh và xã hội quản lý.

2. Nguyên tắc miễn, giảm tiền sử dụng đất:

Nguyên tắc miễn, giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo Điều 106 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

3. Chế độ miễn tiền sử dụng đất:

Chế độ miễn tiền sử dụng đất thực hiện theo Điều 104 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

4. Chế độ giảm tiền sử dụng đất:

Chế độ giảm tiền sử dụng đất thực hiện theo Điều 105 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ ban hành quy định chi tiết và biện pháp thi hành Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.

5. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan giải quyết miễn giảm tiền sử dụng đất:

Thực hiện theo quy định tại Điều 107 Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ: *“Hồ sơ, thủ tục, quy trình giải quyết miễn, giảm tiền sử dụng đất đối với người có công cách mạng thực hiện theo quy định của pháp luật về thu tiền sử dụng đất và pháp luật về quản lý thuế”*.

Tại điểm b, khoản 2, Điều 15 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất quy định: *“Đối với hộ gia đình, cá nhân: Việc nộp hồ sơ xin miễn, giảm tiền sử dụng đất được thực hiện cùng với hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận, xin chuyển mục đích sử dụng đất đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất hoặc cơ quan Tài nguyên và môi trường”*.

Tại Điều 16 Thông tư số 76/2014/TT-BTC quy định: *“Căn cứ hồ sơ đề nghị miễn, giảm tiền sử dụng đất nhận được từ tổ chức kinh tế hoặc từ cơ quan Tài nguyên và môi trường chuyển đến, trong thời hạn 15 ngày làm việc, cơ quan thuế xác định và ban hành Quyết định miễn, giảm tiền sử dụng đất...”*.

Căn cứ các quy định pháp luật nêu trên, các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan phối hợp công tác thực hiện giải quyết chế độ miễn giảm tiền sử dụng đất đối với người có công với cách mạng theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- VP: CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, ĐC, NĐ.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương